TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 217/2024/HNGĐ-ST Ngày 24-7-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Tạ Xuân Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Anh M, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N trình bày: Chị và anh Trần Anh M tìm hiểu được 01 năm thì tự nguyện đi đến hôn nhân. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi cưới vợ chồng chị sống tại Thôn B, xã P, huyện T. Kết hôn đã 17 năm nhưng anh M không biết lo cho gia đình mà ăn nhậu, cờ bạc, nợ nần, nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung đã 02 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và Trần Trúc V1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012. Hiện 02 con đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh M tự thoả thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Anh M không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia tố tụng.

Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh M, giao 02 con chung cho chị N nuôi, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Trần Anh M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh M đang cư trú tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị N cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Trần Anh M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị N, anh M là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N yêu cầu ly hôn do anh M nhậu nhẹt, cờ bạc, nợ nần, không biết lo cho gia đình, chị khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi. Tuy là vợ chồng nhưng anh

M, chị N không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và không còn sống chung 02 năm nay. Chị N nộp đơn ly hôn, anh M không đưa ra ý kiến gì để đoàn tụ mà bỏ mặc hạnh phúc gia đình. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị N được ly hôn anh M.

[5] Về quan hệ con chung: Chị N, anh M có 02 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và Trần Trúc V1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012. Chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét thấy, thời gian không sống chung, chị N vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu V, cháu V1 được phát triển bình thường. Cháu V, cháu V1 đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu V và cháu V1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Minh N ly hôn anh Trần Anh M.

2. Giao con chung là cháu Trần Anh V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2008 và cháu Trần Trúc V1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà

chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001593 ngày 02 tháng 4 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơinhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thành (Số 101/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên